

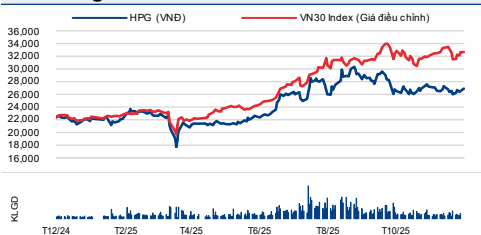
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ36,800
Tiềm năng tăng/giảm: 36.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (22/12/2025)	26,900
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	17,749-30,350
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	26,667
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	206,470
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,846
Slg CP lưu hành (tr.đv)	7,675
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	3,761
Slg CP NN được mua (tr.đv)	2,300
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	19.0%
Tỷ lệ freefloat	54.1%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (26.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	138,855	165,688	224,889
EBITDA đc (tỷ đồng)	21,543	28,865	39,591
LNTT (tỷ đồng)	13,693	19,190	24,962
LNT ĐC (tỷ đồng)	11,420	15,772	21,819
FCF (tỷ đồng)	(28,887)	(5,230)	1,062
EPS ĐC (đồng)	1,488	2,055	2,843
DPS (đồng)	0	1,000	1,000
BVPS (đồng)	17,879	17,057	18,910
T.trưởng EBITDA (%)	31.1	34.0	37.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	59.9	15.1	38.3
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	15.5	17.4	17.6
Tỷ suất LNTTT (%)	9.86	11.6	11.1
Tỷ suất LNT ĐC (%)	8.66	10.0	10.2
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	46.2	33.4
Nợ thuần/VCSH (%)	67.2	70.9	62.8
ROAE (%)	11.1	13.5	16.6
ROACE (%)	11.0	13.3	16.5
EV/doanh thu (lần)	1.65	1.68	1.24
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.7	9.66	7.04
P/E ĐC (lần)	18.1	13.1	9.46
P/B (lần)	1.50	1.58	1.42
Lợi suất cổ tức (%)	0	3.72	3.72

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Sản lượng tiêu thụ tháng 11 tăng 43% so với cùng kỳ, nhờ HRC

- HPG đã bán tổng cộng 986.595 tấn thép thành phẩm trong tháng 1/2025, tăng mạnh 43% so với cùng kỳ nhưng giảm 12% so với tháng trước.
- Trong giai đoạn này, kế hoạch giao hàng HRC bị gián đoạn khoảng một tuần do bão. Mặc dù sản lượng tiêu thụ HRC tháng 11 tăng 108% so với cùng kỳ lên 464.377 tấn, nhưng vẫn giảm 17% so với tháng trước.
- Trong khi đó, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng đạt 377.379 tấn, tăng 17% so với cùng kỳ và tăng 5% so với tháng trước, phản ánh tốc độ tăng trưởng ổn định vào cuối năm.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 36.800đ (tiềm năng tăng giá 37%). Giá cổ phiếu giảm 2% trong 1 tháng qua.

Sự kiện: Công bố sản lượng tiêu thụ tháng 11/2025

Theo dữ liệu hàng tháng do Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) vừa công bố, HPG đã ghi nhận KQKD vững chắc trong tháng 11/2025. Tổng sản lượng tiêu thụ tăng vọt lên 986.595 tấn, tương ứng với mức tăng mạnh 42,7% so với cùng kỳ. Đà tăng trưởng này diễn ra trên diện rộng, với động lực tích cực đến từ tất cả các phân khúc sản phẩm chính.

Mặc dù sản lượng tiêu thụ giảm 11,6% so với tháng trước, nhưng mức giảm này là do tạm dừng vận chuyển bằng tàu biển một tuần do bão trong tháng 11. Sự gián đoạn tạm thời này dẫn đến tình trạng chậm trễ trong việc giao hàng HRC. Lũy kế 11 tháng đầu năm 2025, sản lượng tiêu thụ của HPG đạt 10,48 triệu tấn, tăng 22,2% so với cùng kỳ.

HRC dẫn dắt tăng trưởng so với cùng kỳ trong tháng 11/2025

Phân khúc sản phẩm này rõ ràng là điểm sáng nhất, với sản lượng tiêu thụ tháng 11/2025 tăng vọt 107,8% so với cùng kỳ đạt 464.377 tấn. Sản lượng tiêu thụ HRC tháng 11 giảm 12% so với tháng trước, phần lớn do sự chậm trễ trong việc giao hàng HRC vì điều kiện thời tiết bất lợi trong tháng. Bất chấp đơn hàng giao chậm, khối lượng đặt hàng vẫn vững chắc và chúng tôi kỳ vọng sẽ phục hồi trong tháng 12 (lên trên 500.000 tấn/tháng) khi hoạt động vận chuyển hoạt động bình thường trở lại.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 23/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Sản lượng tiêu thụ T11/25 và 11 tháng đầu năm 2025, HPG

Tăng mạnh 43% so với cùng kỳ mặc dù giảm 12% so với tháng trước do gián đoạn logistics

Tấn	T11-25	So với cùng kỳ	So với tháng trước	11T25	So với cùng kỳ
Sản phẩm thượng nguồn	880,108	47.9%	-14.6%	9,340,177	24.5%
Thép xây dựng	377,379	17.3%	5.0%	4,268,351	4.1%
Phôi thép/tấm slab	38,352	-23.3%	-64.6%	611,311	-11.2%
HRC	464,377	107.8%	-17.4%	4,460,515	64.3%
Ống thép	69,505	16.6%	17.0%	756,513	17.0%
Tôn mạ	36,982	1.4%	41.0%	383,248	-9.7%
Tổng sản lượng tiêu thụ	986,595	42.7%	-11.6%	10,479,938	22.2%
Sản lượng thép thô	1,011,457	-87.2%	9.9%	9,855,079	24.6%

Nguồn: VSA, HSC

Xét theo thị trường, trong tháng 11/2025, sản lượng tiêu thụ trong nước đạt 396.904 tấn, tăng 146,2% so với cùng kỳ nhưng giảm 22,5% so với tháng trước, trong khi sản lượng xuất khẩu tăng 8,3% so với cùng kỳ và tăng 34,4% so với tháng trước lên 67.473 tấn. Theo đó, sản lượng xuất khẩu chiếm 15% sản lượng tiêu thụ HRC tháng 11/2025.

Trong 11 tháng đầu năm 2025, sản lượng tiêu thụ HRC tăng 64,3% so với cùng kỳ lên 4,5 triệu tấn, cao hơn nhiều so với mức tăng 23,2% của thị trường. Kết quả trên cho thấy thị phần HRC của công ty tăng mạnh và công suất sản xuất phân khúc sản phẩm có giá trị cao này cải thiện đáng kể. Theo VSA, thị phần của HPG (tính trên sản lượng tiêu thụ của các nhà sản xuất HRC tại Việt Nam) đã cải thiện lên 59,6% trong 11 tháng đầu năm 2025 so với 44,5% trong năm 2024.

Thép xây dựng: Sản lượng tiêu thụ trong nước tăng mạnh, bù đắp cho mức sụt giảm của xuất khẩu

Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng trong tháng 11/2025 đạt 377.379 tấn (tăng 17,3% so với cùng kỳ và tăng 5% so với tháng trước), cho thấy khả năng phục hồi tốt trước điều kiện thời tiết bất lợi. Sản lượng tiêu thụ trong 11 tháng đầu năm 2025 tăng 4,1% so với cùng kỳ đạt 4,3 triệu tấn.

Chúng tôi lưu ý rằng thị phần của HPG đã giảm xuống 36% trong 11 tháng đầu năm 2025 (so với 37,6% trong năm 2024). Mặc dù sản lượng tiêu thụ của toàn phân khúc tăng 8,9% so với cùng kỳ, nhưng tổng sản lượng tiêu thụ của HPG bị kéo giảm bởi những bất ổn ở thị trường xuất khẩu.

Thị trường trong nước: HPG ghi nhận mức tăng 25,7% so với cùng kỳ, cao hơn nhiều so với mức tăng 15,5% của toàn phân khúc trong 11 tháng đầu năm 2025.

Thị trường xuất khẩu: Sản lượng tiêu thụ trong 11 tháng đầu năm 2025 của HPG giảm mạnh 52,6% so với cùng kỳ, vượt xa mức giảm 23,5% của toàn phân khúc.

Doanh thu thuần: Việc VSA sử dụng dữ liệu xuất khẩu để tính toán thị phần đã tạo ra bất lợi cho HPG do công ty có tỷ trọng xuất khẩu cao (sản lượng xuất khẩu 11 tháng đầu năm 2025 chiếm 12,5% sản lượng tiêu thụ thép xây dựng của HPG, so với mức 26,4% trong năm 2024). Các đối thủ cạnh tranh của HPG, vốn chủ yếu tập trung vào thị trường trong nước, đã ghi nhận mức tăng thị phần cao hơn (Bảng 3-4).

Sản lượng tiêu thụ ống thép vẫn vững chắc trong khi tôn mạ đi ngang

Trong tháng 11/2025, sản lượng tiêu thụ ống thép của HPG vững chắc, tăng 16,6% so với cùng kỳ và tăng 17% so với tháng trước đạt 69.505 tấn, đưa sản lượng tiêu thụ 11 tháng đầu năm 2025 lên 756.513 tấn, tăng 17% so với cùng kỳ. Mức tăng này cao hơn so với mức tăng của toàn phân khúc ở mức chỉ 6,6%, giúp thị phần của HPG cải thiện lên 30,8% trong 11 tháng đầu năm 2025 (so với 27,7% trong năm 2024).

Đối với tôn mạ, HPG đã bán 36.982 tấn trong tháng 11/2025, tăng 1,4% so với cùng kỳ và tăng 41% so với tháng trước. Theo đó, sản lượng tiêu thụ 11 tháng đầu năm 2025 đạt 383.248 tấn, giảm 9,7% so với cùng kỳ, chủ yếu do sự yếu kém của thị trường xuất khẩu. So với các đối thủ cạnh tranh, mức giảm sản lượng tiêu thụ tôn mạ của HPG thấp hơn mức giảm 13,3% của toàn phân khúc, giúp thị phần cải thiện lên 8,74% trong 11 tháng đầu năm 2025 (so với 8,24% trong năm 2024).

Duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 36.800đ (tiềm năng tăng giá 37%)

HSC giữ nguyên dự báo lợi nhuận cho năm 2025 (tăng trưởng 38% lên 16,6 nghìn tỷ đồng), cho thấy lợi nhuận thuần Q4/2025 đạt 5 nghìn tỷ đồng, tăng 79% so với cùng kỳ và tăng 26% so với quý trước.

Sau khi giá cổ phiếu giảm 2% trong 3 tháng qua và giảm 5% trong 3 tháng qua, HPG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 9,5 lần, thấp hơn so với bình quân 3 năm ở mức 13 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu không đổi là 36.600đ (tiềm năng tăng giá 37%).

Bảng 2: Cơ cấu sản lượng theo thị trường, HPG

Tỷ trọng đóng góp của xuất khẩu vào sản lượng tiêu thụ của HPG giảm trong T11/25 và 11 tháng đầu năm 2025

Tán	T11-24	T10-25	T11-25	So với cùng kỳ	So với tháng trước	11T24	11T25	So với cùng kỳ
Xuất khẩu	190,996	188,126	156,218	-18.2%	-17.0%	2,800,427	1,827,657	-34.7%
Nội địa	500,310	927,632	830,377	66.0%	-10.5%	5,772,420	8,652,281	49.9%
Tổng sản lượng tiêu thụ	691,306	1,115,758	986,595	42.7%	-11.6%	8,572,847	10,479,938	22.2%
Đóng góp								
Xuất khẩu	27.6%	16.9%	15.8%			32.7%	17.4%	
Nội địa	72.4%	83.1%	84.2%			67.3%	82.6%	

Nguồn: VSA, HSC

Bảng 3: Mảng thép xây dựng 11 tháng đầu năm 2025, HPG và toàn thị trường

Thị trường tăng trưởng 8,9% , cao hơn so với tăng trưởng của HPG ở mức 4,1%

	Mức tăng trưởng của thị trường	Mức tăng trưởng của HPG
Sản lượng trong nước	15.5%	25.7%
Sản lượng xuất khẩu	-23.5%	-52.6%
Tổng sản lượng thép xây dựng	8.9%	4.1%

Nguồn: VSA, HSC

Bảng 4: Thị phần thép xây dựng, HPG

Thị phần thép xây dựng của HPG đang giảm dần

	2024	Q1/25	6T25	9T25	11T25
HPG	37.6%	38.8%	37.2%	36.3%	36.0%

Nguồn: VSA, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	118,953	138,855	165,688	224,889	241,206
Lợi nhuận gộp	12,938	18,498	26,002	34,909	40,666
Chi phí BH&QL	(3,269)	(3,883)	(4,755)	(6,454)	(6,923)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	9,669	14,615	21,247	28,455	33,743
Lãi vay thuần	(2,018)	(1,348)	(2,172)	(3,538)	(3,197)
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	142	426	116	45.0	48.2
LNTT	7,793	13,693	19,190	24,962	30,595
Chi phí thuế TNDN	(992)	(1,673)	(2,591)	(1,997)	(2,142)
Lợi ích cổ đông thiểu số	34.7	1.42	1.96	2.71	3.36
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,835	12,021	16,602	22,968	28,456
Lợi nhuận thuần ĐC	6,493	11,420	15,772	21,819	27,034
EBITDA ĐC	16,431	21,543	28,865	39,591	45,835
EPS (đồng)	1,175	1,879	2,163	2,992	3,707
EPS ĐC (đồng)	846	1,488	2,055	2,843	3,522
DPS (đồng)	0	0	1,000	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	5,815	6,396	7,675	7,675	7,675
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	5,815	6,396	7,675	7,675	7,675
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,815	6,396	7,675	7,675	7,675

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	12,252	6,888	6,630	5,028	4,245
Đầu tư ngắn hạn	22,177	18,975	19,883	17,991	19,296
Phải thu khách hàng	10,702	7,648	14,912	22,489	25,327
Hàng tồn kho	34,504	46,091	49,706	65,218	69,950
Các tài sản ngắn hạn khác	3,081	7,073	8,284	11,244	14,472
Tổng tài sản ngắn hạn	82,716	86,674	99,416	121,971	133,290
TSCĐ hữu hình	97,886	130,995	144,370	135,518	134,152
TSCĐ vô hình	211	184	203	223	245
Bất động sản đầu tư	594	560	530	496	460
Đầu tư dài hạn	40.0	137	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	6,335	5,940	6,295	8,519	9,128
Tổng tài sản dài hạn	105,066	137,815	151,398	144,756	143,985
Tổng cộng tài sản	187,783	224,490	250,814	266,727	277,275
Nợ ngắn hạn	54,982	55,883	66,275	71,964	65,126
Phải trả người bán	12,387	14,047	8,284	11,244	12,060
Nợ ngắn hạn khác	2,457	2,813	3,231	4,095	4,427
Tổng nợ ngắn hạn	71,513	75,225	80,753	91,325	85,925
Nợ dài hạn	10,399	27,080	32,237	23,026	19,189
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	30.0	29.3	0	0	0
Nợ dài hạn khác	2,948	7,440	6,612	6,943	7,291
Tổng nợ dài hạn	13,378	34,550	38,848	29,969	26,479
Tổng nợ phải trả	84,946	109,842	119,602	121,294	112,404
Vốn chủ sở hữu	102,771	114,356	130,923	145,146	164,588
Lợi ích cổ đông thiểu số	65.8	291	289	286	283
Tổng vốn chủ sở hữu	102,836	114,647	131,212	145,433	164,871
Tổng nợ phải trả và VCSH	187,783	224,490	250,814	266,727	277,275
BVPS (đ)	17,674	17,879	17,057	18,910	21,443
Nợ thuần*/(tiền mặt)	53,129	76,075	91,882	89,962	80,069

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	9,669	14,615	21,247	28,455	33,743
Khấu hao	(6,762)	(6,928)	(7,619)	(11,136)	(12,092)
Lãi vay thuần	(2,018)	(1,348)	(2,172)	(3,538)	(3,197)
Thuế TNDN đã nộp	(560)	(937)	(2,591)	(1,997)	(2,142)
Thay đổi vốn lưu động	(6,218)	(13,927)	(10,220)	(33,892)	(14,990)
Khác	(4,595)	(2,358)	(3,169)	(4,561)	(4,209)
LCT thuần từ HKKD	8,643	6,608	15,753	3,333	28,343
Đầu tư TS dài hạn	(17,374)	(35,495)	(20,983)	(2,271)	(10,712)
Góp vốn & đầu tư	(37,581)	(27,166)	(937)	1,832	(1,322)
Thanh lý	42,960	32,872	730	992	861
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(11,995)	(29,788)	(21,190)	553	(11,173)
Cổ tức trả cho CSH	(8.01)	(4.97)	0	(7,675)	(7,675)
Thu từ phát hành CP	(1.64)	233	0	0	0
Tăng/giảm nợ	7,285	17,587	5,180	2,188	(10,278)
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	7,276	17,815	5,180	(5,488)	(17,953)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	8,325	12,252	6,888	6,630	5,028
LCT thuần trong kỳ	3,924	(5,365)	(257)	(1,602)	(783)
Ảnh hưởng của tỷ giá	3.86	0.76	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	12,252	6,888	6,630	5,028	4,245
Dòng tiền tự do	(8,731)	(28,887)	(5,230)	1,062	17,631

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	10.9	13.3	15.7	15.5	16.9
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.8	15.5	17.4	17.6	19.0
Tỷ suất LNT (%)	5.75	8.66	10.0	10.2	11.8
Thuế TNDN hiện hành (%)	12.7	12.2	13.5	8.00	7.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	(15.9)	16.7	19.3	35.7	7.26
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(17.4)	31.1	34.0	37.2	15.8
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(19.4)	75.9	38.1	38.3	23.9
Tăng trưởng EPS (%)	(19.4)	59.9	15.1	38.3	23.9
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(19.4)	75.9	38.1	38.3	23.9
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	46.2	33.4	27.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	6.88	11.1	13.5	16.6	18.4
ROACE (%)	8.62	11.0	13.3	16.5	18.4
Vòng quay tài sản (lần)	0.66	0.67	0.70	0.87	0.89
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.89	0.45	0.74	0.12	0.84
Số ngày tồn kho	119	140	130	125	127
Số ngày phải thu	36.8	23.2	39.0	43.2	46.1
Số ngày phải trả	42.6	42.6	21.6	21.6	22.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	52.4	67.2	70.9	62.8	49.4
Nợ/tài sản (%)	35.2	37.3	39.6	36.1	30.9
EBIT/lãi vay (lần)	4.79	10.8	9.78	8.04	10.6
Nợ/EBITDA (lần)	4.02	3.89	3.44	2.43	1.87
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.16	1.15	1.23	1.34	1.55
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.58	1.65	1.68	1.24	1.11
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.4	10.7	9.66	7.04	5.84
P/E (lần)	22.9	14.3	12.4	8.99	7.26
P/E ĐC (lần)	31.8	18.1	13.1	9.46	7.64
P/B (lần)	1.52	1.50	1.58	1.42	1.25
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	3.72	3.72	3.72

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn